

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày 26- 11- 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: Bà Sùng Thị Súa và bà Lò Thị Dậu

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Thê- Thư ký TAND huyện Tủa Chùa

- Đại diện VKSND huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa: ông Lò Văn Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* bà Bùi Thị C – Sinh năm: 1965; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên / có mặt

2- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1979; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên / vắng mặt

3- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ anh Khúc Văn K – Sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT và cư trú: Tổ dân phố T1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Điện Biên / vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị C trình bày:

Ngày 04/3/2018 bị đơn Nguyễn Thị H đến nhà nguyên đơn hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), sau khi thỏa thuận các bên đã nhất trí về việc vay nợ, tiến hành giao nhận tiền và viết giấy vay giữa hai bên với lãi suất 1,4%/ 1 tháng, trả lãi theo tháng, khi thỏa thuận vay có bà Vũ Thị T chứng kiến và bà T nhận bảo lãnh trả nợ thay nếu bà H không trả được và giấy vay có ghi bà T có thể chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Khúc Văn K (là con trai bà T), giấy vay không ghi thời hạn trả mà ghi khi nguyên đơn đòi nợ phải báo

trước 01 tuần.

Thực hiện hợp đồng đã ký kết, bị đơn đã trả lãi tiền vay cho nguyên đơn làm nhiều lần. Tuy nhiên từ tháng 9/2018 bị đơn không tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận, nguyên đơn đã nhiều lần đến nhà bị đơn yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi nhưng bị đơn khất lần không chịu trả, đến ngày 17/6/2019 bị đơn tiếp tục đến nhà nguyên đơn yêu cầu trả tiền nhưng bị đơn vẫn chưa trả (có giấy đòi nợ ngày 17/6/2019), nên ngày 24/6/2019 nguyên đơn viết đơn khởi kiện gửi Tòa án yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền gốc 150.000.000 đồng, số tiền lãi từ tháng 9/2018 tính đến khi khởi kiện là 10 tháng với số tiền lãi 21.000.000 đồng, đối với số tiền lãi từ tháng 7/2019 đến ngày giải quyết, xét xử nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả.

Người làm chứng anh Khúc Văn V xác nhận trong giấy đòi nợ của nguyên đơn ngày 17/6/2019 nguyên đơn có đến đòi nợ nhưng bị đơn không trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt tại địa phương, không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tại văn bản ghi ý kiến của bị đơn gửi Tòa án bị đơn thừa nhận có vay nợ nguyên đơn 150.000.000 đồng tiền gốc chưa trả và còn nợ lãi từ tháng 9/2018, nhưng do làm ăn thua lỗ, nhà đất đã bán để trả nợ, hiện nay bị đơn đang đi làm thuê nên chưa có khả năng trả tiền cho nguyên đơn, khi nào làm có tiền sẽ về trả cho nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong giấy vay nợ có thể hiện bà Vũ Thị T nhận bảo lãnh cho khoản vay của bị đơn Nguyễn Thị H, nhưng hiện nay bà T đã chết, nguyên đơn và bị đơn không có ý kiến gì đối với bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khúc Văn K trình bày: anh không biết việc vay nợ và việc bà Vũ Thị T nhận đảm bảo khoản tiền vay bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh, anh không có yêu cầu gì trong vụ án, nếu bà Bùi Thị C không có ý định trả lại cho anh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh sẽ khởi kiện đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng vụ án dân sự khác và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa ngày 11/11/2019 do vắng Hội thẩm nhân dân nên Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại điều 56, 233, 235 của BLTTDS, tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo nội dung trình bày của các bên và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, xác định được:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết và thực hiện hợp đồng vay mượn tiền vào ngày 04/3/2018 và có viết giấy vay nợ giữa các bên, tổng số tiền vay là

150.000.000 đồng với lãi xuất 1,4%/ 1 tháng, hợp đồng vay không thời hạn và có thỏa thuận khi nào đòi nợ phải báo trước 01 tuần, nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn theo thỏa thuận. Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, bị đơn đã trả lãi cho nguyên đơn làm nhiều lần đến hết tháng 8/2018, từ tháng 9/2018 đến nay bị đơn không trả tiền lãi, nguyên đơn đã đòi nợ gốc và lãi nhưng bị đơn không trả.

Xét hợp đồng vay mượn tiền giữa các bên là tự nguyện và lãi suất khoản tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật. Với yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn, bị đơn cũng thừa nhận nhưng do hiện nay chưa có tiền để trả. Như vậy, xác định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản sau:

- Số tiền vay gốc: 150.000.000 đồng;
- Số tiền lãi tính từ ngày 05/9/2018 đến ngày 04/7/2019 là 10 tháng, số tiền lãi là: 150.000.000 đồng x 10 tháng x 1,4%/1 tháng = 21.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi từ sau ngày 4/7/2019 đến ngày xét xử nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về vấn đề khác liên quan: Trong giấy vay nợ có thể hiện bà Vũ Thị T bảo lãnh cho bà H trả khoản tiền vay nếu bà H không trả được, do bà T hiện đã chết, nguyên đơn và bị đơn không có ý kiến gì đối với bà T nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Khúc Văn K nguyên đơn đang giữ, nguyên đơn có lời khai trình bày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T thế chấp để đảm bảo 01 khoản tiền vay khác của bà Vũ Thị T với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khúc Văn K cũng không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét, sau này anh Khúc Văn K có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, trả lại cho nguyên đơn Bùi Thị C số tiền tạm ứng án phí 4.275.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC.

Bị đơn Nguyễn Thị H phải nộp 8.550.000 đồng tiền án phí theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 116, 117, 119, 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015,
- Khoản 3 điều 26, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị C.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn Bùi Thị C số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 21.000.000 đồng, tổng cộng bị đơn Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn Bùi Thị C số tiền 171.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chậm trả tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất 1,4%/ 1 tháng cho bên được thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn Nguyễn Thị H phải nộp 8.550.000 đồng (tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Bùi Thị C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 4.275.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2010/00674 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

3. Kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trương Anh Tuấn